

Số: ...14.5.../SCID

TP.Hồ Chí Minh, ngày ...07... tháng ...7... năm 2017

"V/v công bố thông tin
BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2017"

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID)**

Trụ sở chính: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38360143

Fax: (08) 38225457

Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Nguyễn Thị Tranh**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38360143

Fax: (08) 38225457

Loại thông tin công bố: 24h Định kỳ Bất thường Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2017.

Chúng tôi cũng đã công bố thông tin báo cáo này trên trang thông tin điện tử của Công ty:
www.scid-jsc.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Trần Thái Duy

Số: 144/SCID

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2017

"V/v giải trình thay đổi LNST
tại BCTC hợp nhất Quý 1/2017"

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID) xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1/2017, SCID xin giải trình thay đổi của chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2017 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1/2017	Quý 1/2016	Thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN (đồng)	23.322.059.217	11.391.928.461	104%

So với cùng kỳ, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2017 của SCID tăng 11.930.130.756 đồng (tương đương tăng 104%). Nguyên nhân do:

- Doanh thu trong kỳ tăng 25.506.435.943 đồng nên lợi nhuận tăng tương ứng.
- Chi phí trong kỳ tăng 13.576.305.287 đồng nên lợi nhuận giảm tương ứng.

Nguyên nhân trên là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1/2017 tăng quá 10% so với quý 1/2016.

Xin chân thành cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Trần Thái Duy

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
SÀI GÒN CO.OP**
.....❧❧.....

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		767,997,097,564	778,642,044,729
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	678,317,421,338	678,478,681,556
1. Tiền	111		22,611,917,464	21,180,248,932
2. Các khoản tương đương tiền	112		655,705,503,874	657,298,432,624
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8,926,212,555	8,925,413,819
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	8,926,212,555	8,925,413,819
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77,095,450,836	88,656,356,637
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12,514,285,899	27,562,330,915
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	55,738,978,032	48,260,621,277
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8,842,186,905	12,833,404,445
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		938,348,026	925,985,762
1. Hàng tồn kho	141		938,348,026	925,985,762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,719,664,809	1,655,606,955
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	569,812,849	137,195,308
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		996,084,104	1,445,301,047
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1,153,767,856	73,110,600
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý I (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số cuối năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,634,053,896,152	1,629,053,647,682
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,659,732,000	10,659,732,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10,659,732,000	10,659,732,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		204,611,028,777	212,776,697,828
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	201,808,443,012	209,819,878,249
- Nguyên giá	222		288,879,929,695	294,396,925,028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87,071,486,683)	(84,577,046,779)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2,802,585,765	2,956,819,579
- Nguyên giá	228		3,765,324,712	3,765,324,712
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(962,738,947)	(808,505,133)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	26,445,508,001	26,740,806,092
- Nguyên giá	231		35,289,056,455	35,289,056,455
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8,843,548,454)	(8,548,250,363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		503,927,696,089	497,770,570,862
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	503,927,696,089	497,770,570,862
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		885,697,113,335	878,597,987,868
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	885,697,113,335	876,597,987,868
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	-	2,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,712,817,950	2,507,853,032
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2,210,852,179	2,005,887,261
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		501,965,771	501,965,771
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,402,050,993,716	2,407,695,692,411

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý I (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số cuối năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		261,576,194,743	290,542,952,655
I. Nợ ngắn hạn	310		94,179,916,544	129,420,909,817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a,b	26,166,124,228	36,727,748,791
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		223,000	6,193,549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2,051,688,123	8,560,399,728
4. Phải trả người lao động	314	V.14	1,794,966,613	14,448,497,065
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	494,451,916	888,335,954
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	551,847,348	39,782,044
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a,c	45,699,016,547	48,049,864,788
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	9,077,535,685	12,239,535,685
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	8,344,063,084	8,460,552,213
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		167,396,278,199	161,122,042,838
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		72,800,000	52,300,000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b,c	124,928,073,965	123,674,338,605
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	37,112,052,229	32,112,052,229
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5,283,352,005	5,283,352,004
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý I (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ước thực hiện)	Số cuối năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,140,474,798,973	2,117,152,739,756
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,140,474,798,973	2,117,152,739,756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	814,959,218,216	814,959,218,216
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	315,526,989,430	292,204,930,213
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		292,204,930,213	252,396,629,288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23,322,059,217	39,808,300,925
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Lợi ích có đóng không kiểm soát			9,988,591,327	9,988,591,327
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,402,050,993,716	2,407,695,692,411

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017



Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Đoàn Trần Thái Duy
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay (ước thực hiện)	năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	36,043,127,968	13,704,319,266	36,043,127,968	13,704,319,266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	36,043,127,968	13,704,319,266	36,043,127,968	13,704,319,266
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10,199,870,901	9,541,603,730	10,199,870,901	9,541,603,730
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25,843,257,067	4,162,715,536	25,843,257,067	4,162,715,536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,899,847,652	8,596,464,126	8,899,847,652	8,596,464,126
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,010,663,910	-	1,010,663,910	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,010,663,910	-	1,010,663,910	-
8. Lãi / lỗ từ công ty liên doanh, liên kết			9,099,125,467	7,509,873,492	9,099,125,467	7,509,873,492
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7,284,742,112	24,893,437	7,284,742,112	24,893,437
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10,490,457,334	9,446,899,332	10,490,457,334	9,446,899,332
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25,056,366,830	10,797,260,385	25,056,366,830	10,797,260,385
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1,877,390,295	602,398,555	1,877,390,295	602,398,555
13. Chi phí khác	32	VI.8	117,117,041	5,347,621	117,117,041	5,347,521
14. Lợi nhuận khác	40		1,760,273,254	597,050,934	1,760,273,254	597,051,034
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26,816,640,084	11,394,311,319	26,816,640,084	11,394,311,419
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3,494,580,867	2,382,858	3,494,580,867	2,382,858
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23,322,059,217</u>	<u>11,391,928,461</u>	<u>23,322,059,217</u>	<u>11,391,928,561</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			<u>23,322,059,217</u>	<u>11,391,928,461</u>	<u>23,322,059,217</u>	<u>11,391,928,461</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	70		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>233</u>	<u>114</u>	<u>233</u>	<u>114</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		<u>233</u>	<u>114</u>	<u>233</u>	<u>114</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017


Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởngĐoàn Trần Thái Duy
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20,471,087,392	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(28,930,351,073)	1,877,681,649
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15,003,427,627)	(5,614,561,717)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1,037,137,542)	(8,889,053,442)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7,395,935,170)	(5,420,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		220,141,921,732	109,894,166,825
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(188,397,132,059)	(105,020,020,727)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(150,974,347)</i>	<i>(13,171,787,412)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,134,711,457)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		533,556,518	602,398,555
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(640,577,876,884)	(526,888,598,607)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		641,091,211,394	526,888,598,607
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(24,417,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4,500,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,239,534,558	2,793,655,923
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>7,651,714,129</i>	<i>(21,021,445,522)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20,471,087,392	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(28,930,351,073)	1,877,681,649
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15,003,427,627)	(5,614,561,717)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1,037,137,542)	(8,889,053,442)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7,395,935,170)	(5,420,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		220,141,921,732	109,894,166,825
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(188,397,132,059)	(105,020,020,727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(150,974,347)	(13,171,787,412)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,134,711,457)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		533,556,518	602,398,555
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(640,577,876,884)	(526,888,598,607)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		641,091,211,394	526,888,598,607
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(24,417,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4,500,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,239,534,558	2,793,655,923
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7,651,714,129	(21,021,445,522)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(4,500,000,000)	-
3. Thu tiền từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,162,000,000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(7,662,000,000)</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(161,260,218)	(34,193,232,934)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	678,478,681,556	427,309,996,018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	678,317,421,338	393,116,763,084

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017



Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Đoàn Trần Thái Duy
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 **Ước thực hiện Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: đầu tư xây dựng, kinh doanh trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng; cho thuê mặt bằng và tài sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong quý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op đang triển khai công tác tái cấu trúc hoạt động kinh doanh trong thời gian tới theo định hướng: không đầu tư vào hoạt động bán lẻ Co.opmart mà chuyển sang đầu tư trung tâm thương mại, trung tâm thương mại chuyên dùng, Outlet, các dự án bất động sản phức hợp, các dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, pháp lý, quản lý dự án, giới thiệu mặt bằng cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh. Để thực hiện theo định hướng này, Công ty sẽ:

- Chuyển nhượng vốn đầu tư tại các công ty liên kết hoạt động bán lẻ Co.opmart cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại các công ty liên kết đầu tư vào Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.
- Chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư siêu thị Co.opmart và đang cho Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh thuê kinh doanh bán lẻ Co.opmart.
- Nhận chuyển nhượng bất động sản hoặc quyền cho thuê bất động sản đã đầu tư Trung tâm thương mại hoặc dự kiến sẽ đầu tư vào Trung tâm thương mại từ Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SCID 23/9	56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM	Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH SCID - Hòa Bình	Số 175 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng; xây dựng nhà các loại; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV thương mại Sài Gòn - Bến Tre	Số 26A đường Trần Quốc Tuấn, phường 4, TP. Bến Tre, tỉnh Tre	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Bình Dương	Đường 30 tháng 4, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV TM - DV Sài Gòn Tân An	01 Mai Thị Tốt, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH TM - DV Sài Gòn - Bà Rịa	TTTM, Siêu thị Co.opmart, P. Phước Trung, Tp. Bà Rịa	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi	100,00%	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	siêu thị Co.op Mart			

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau	09 Trần Hưng Đạo, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	36,75%	36,75%	36,75%
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Cần Thơ	Số 01 Đại lộ Hoà Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op	Lầu 3, số 199-205, đường Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH TMDV siêu thị Co.opmart Biên Hòa	121 Phạm Văn Thuận, P.Tân Tiến, TP. Biên Hòa – Đồng Nai	Kinh doanh siêu thị theo hệ thống chuỗi siêu thị Co.op Mart	29,00%	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin	Khu phức hợp số 2, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,00%	36,00%	36,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc Quý 1 của năm tài chính Công ty có 63 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 63 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc Quý 1. Trường hợp tại ngày kết thúc Quý 1 thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc Quý 1.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc Quý 1 được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc Quý 1 được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí cải tạo

Chi phí cải tạo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá thời gian thuê mặt bằng.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	39
Nhà	25 - 30

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc Quý 1.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 1 NĂM 2017**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	598,956,477	1,288,921,295
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22,012,960,987	19,891,327,637
Các khoản tương đương tiền (*)	655,705,503,874	657,298,432,624
Cộng	<u>678,317,421,338</u>	<u>678,478,681,556</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a) Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	8,926,212,555	8,925,413,819
Cộng	<u>8,926,212,555</u>	<u>8,925,413,819</u>

2b) Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Lũy kế lãi/lỗ phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lũy kế lãi/lỗ phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn – Cà Mau ⁽ⁱ⁾	34,545,000,000	816,033,059	35,361,033,059	34,545,000,000	220,897,609	34,765,897,609
Công ty TNHH thương mại Sài Gòn – Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	27,200,000,000	(3,807,596,877)	23,392,403,123	27,200,000,000	(4,623,800,300)	22,576,199,700
Công ty cổ phần phát triển khu phức hợp thương mại Vietsin ⁽ⁱⁱⁱ⁾	754,099,056,000	33,147,637,145	787,246,693,145	754,099,056,000	26,744,128,334	780,843,184,334
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Sài Gòn Co.op ^(iv)	24,500,000,000	(381,990,887)	24,118,009,113	24,500,000,000	(377,757,701)	24,122,242,299
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa ^(v)	7,440,520,518	8,138,454,377	15,578,974,895	7,440,520,518	6,849,943,408	14,290,463,926
Cộng	<u>847,784,576,518</u>	<u>37,912,536,817</u>	<u>885,697,113,335</u>	<u>847,784,576,518</u>	<u>28,813,411,350</u>	<u>876,597,987,868</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000969020 ngày 20 tháng 5 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Biên bản họp hội đồng thành viên số 09/CM ngày 01/02/2016 Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cà Mau 34.545.000.000 VND, tương đương 36,75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc Quý 4 của năm tài chính, Công ty đã đầu tư 34.545.000.000 VND, tương đương 36,75% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800502219 ngày 08 tháng 11 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Sài Gòn - Cần thơ 27.200.000.000 VND, tương đương 34,00% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000083, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển Khu phức hợp Vietsin 754.099.056.000 VND, tương đương 36,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310384927 ngày 15 tháng 10 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH đầu tư quốc tế Sài Gòn Co.op 24.500.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4702001225, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thương mại dịch vụ Co.opmart Biên Hòa 7.440.520.518 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0313568859 do Sở Kế hoạch Và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh , cấp ngày ngày 09 tháng 12 năm 2015, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Nova An Phú 2.000.000.000 VND, tương đương 10,00% vốn điều lệ.

2c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Nova An Phú	-	2.000.000.000
Cộng	-	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	8,902,788,760	26,325,474,810
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	4,174,986,168	19,393,835,106
Công ty CP Phát triển Khu Phức hợp TM Vietsin	-	5,733,079,704
Công ty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc	-	1,198,560,000
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Bến tre	330,636,952	
CN Liên Hiệp HTX TM TP.HCM - co.opmart Bến tre	4,397,165,640	-
Phải thu các khách hàng khác	3,611,497,139	1,236,856,105
CTY TNHH TMD 239	1,715,365,642	
Cty CP Phim Thiên Ngân - CN Bến Tre	1,097,650,385	983,651,037
Khách hàng khác	798,481,112	253,205,068
Cộng	<u>12,514,285,899</u>	<u>27,562,330,915</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho bên liên quan	55,684,641,786	48,244,121,268
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	55,684,641,786	48,244,121,268
Trả trước cho người bán khác	54,336,246	16,500,009
Các nhà cung cấp khác	54,336,246	16,500,009
Cộng	<u>55,738,978,032</u>	<u>48,260,621,277</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	2,608,461,846	-	7,187,182,249	-
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	2,608,461,846	-	3,359,074,262	-
Công ty TNHH TM Sài Gòn - Bến Tre - Lợi nhuận được chia			3,828,107,987	
Phải thu khác	6,233,725,059	-	5,646,222,196	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn và khác	1,252,689,588	-	619,250,348	-
Tạm ứng	487,200,000	-	340,500,000	-
Các khoản chi hộ	-	-	18,152,138	-
Lãi dự thu	4,493,835,471	-	4,668,319,710	-
Cộng	<u>8,842,186,905</u>	<u>-</u>	<u>12,833,404,445</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ thuê mặt bằng dài hạn.

6. Nợ xấu

Công ty có các khoản nợ phải thu Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh quá hạn thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu thanh lý tài sản cố định	Dưới 06 tháng			Dưới 06 tháng	1,752,127,418	1,752,127,418
Phải thu thanh lý chi phí trả trước dài hạn	Dưới 06 tháng			Dưới 06 tháng	9,065,566,393	9,065,566,393
Phải thu phí tư vấn quản lý dự án	Dưới 06 tháng	2,230,365,970	2,230,365,970	Dưới 06 tháng	5,154,939,776	5,154,939,776
Phải thu phí phát triển mạng lưới siêu thị	Dưới 06 tháng	3,637,006,493	3,637,006,493	Dưới 06 tháng	2,310,000,000	2,310,000,000
Phải thu về cho thuê mặt bằng	Dưới 06 tháng	2,423,800,495	2,423,800,495	Dưới 06 tháng		
Cộng		8,291,172,958	8,291,172,958		18,282,633,587	18,282,633,587

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đồng phục	48,481,090	
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	-	
Chi phí bảo hiểm		22,063,852
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	520,968,123	43,217,275
Khác	363,636	71,914,181
Cộng	569,812,849	137,195,308

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	914,485,366	1,083,611,419
Chi phí sửa chữa	674,459,313	822,852,115
Chi phí thuê mặt bằng Co.op Mart Vĩnh Phúc	541,920,000	
Khác	79,987,500	99,423,727
Cộng	<u>2,210,852,179</u>	<u>2,005,887,261</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	234,263,595,917	41,097,368,524	4,804,143,684	6,809,453,704	7,422,363,199	294,396,925,028
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	707,734,763	-	-	-	707,734,763
Mua sắm trong năm	-	51,200,000	-	-	-	51,200,000
Thanh lý, nhượng bán	-	(6,275,930,096)	-	-	-	(6,275,930,096)
Số cuối năm	<u>234,263,595,917</u>	<u>35,580,373,191</u>	<u>4,804,143,684</u>	<u>6,809,453,704</u>	<u>7,422,363,199</u>	<u>288,879,929,695</u>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	10,753,376,759	-	136,475,000	-	10,889,851,759
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	50,478,891,058	26,819,697,652	1,900,217,195	1,390,801,109	3,987,439,765	84,577,046,779
Khấu hao trong năm	2,541,745,128	1,232,652,864	130,618,174	344,073,666	523,856,859	4,772,946,691
Thanh lý, nhượng bán	-	(2,278,506,787)	-	-	-	(2,278,506,787)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>53,020,636,186</u>	<u>25,773,843,729</u>	<u>2,030,835,369</u>	<u>1,734,874,775</u>	<u>4,511,296,624</u>	<u>87,071,486,683</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	183,784,704,859	14,277,670,872	2,903,926,489	5,418,652,595	3,434,923,434	209,819,878,249
Số cuối năm	<u>181,242,959,731</u>	<u>9,806,529,462</u>	<u>2,773,308,315</u>	<u>5,074,578,929</u>	<u>2,911,066,575</u>	<u>201,808,443,012</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1,803,544,254	-	1,961,780,458	3,765,324,712
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>1,803,544,254</u>	<u>-</u>	<u>1,961,780,458</u>	<u>3,765,324,712</u>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	80,000,000	80,000,000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	456,897,876	-	351,607,257	808,505,133
Khấu hao trong năm	18,035,442	-	136,198,372	154,233,814
Số cuối năm	<u>474,933,318</u>	<u>-</u>	<u>487,805,629</u>	<u>962,738,947</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1,346,646,378	-	1,610,173,201	2,956,819,579
Số cuối năm	<u>1,328,610,936</u>	<u>-</u>	<u>1,473,974,829</u>	<u>2,802,585,765</u>

10. Bất động sản đầu tư**10a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	5,530,000,000	29,759,056,455	35,289,056,455
Thanh lý, nhượng bán kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>5,530,000,000</u>	<u>29,759,056,455</u>	<u>35,289,056,455</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	484,465,811	8,063,784,552	8,548,250,363
Khấu hao trong kỳ	35,448,718	259,849,373	295,298,091
Số cuối kỳ	519,914,529	8,323,633,925	8,843,548,454

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	5,045,534,189	21,695,271,903	26,740,806,092
Số cuối kỳ	5,010,085,471	21,435,422,530	26,445,508,001

10b. Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc Quý 1 như sau:

Quyền sử dụng đất - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	5,530,000,000	519,914,529	5,010,085,471
Nhà cửa vật kiến trúc - 253 Điện Biên Phủ, phường 07, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	29,759,056,455	8,323,633,925	21,435,422,530
Cộng	35,289,056,455	8,843,548,454	26,445,508,001

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phát triển quận 2, TP. Hồ Chí Minh	460,095,318,428	1,181,818,182	-	-	461,277,136,610
Nhà 102 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15,516,055,600	-	-	-	15,516,055,600
Dự án BMC Vinh - Plaza	15,848,400,000	-	-	-	15,848,400,000
Dự án Co.opmart Gò Công	631,636,365	-	-	-	631,636,365
Dự án Co.opmart Long An	5,646,460,971	4,872,469,743	-	-	10,518,930,714
Mua sắm TSCĐ tại SCID 23/09	32,699,498	810,572,065	707,734,763	-	135,536,800
Cộng	497,770,570,862	6,864,859,990	707,734,763	-	503,927,696,089

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty liên doanh Fuji Alpha	687,200,000	687,200,000
Công ty liên doanh Fuji Alpha - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	250,021,446	324,642,893
Liên Hiệp HTX TM TP.HCM	19,721,165,282	19,679,275,449
Cty Cp Xây Lắp Chợ Lớn	1,288,020,000	9,951,126,829
Cty CP Đầu Tư XD & KD Nhà Sài Gòn	3,710,365,345	1,288,020,000
Cty CP Đầu Tư Phát Triển Sài Gòn Co.op	330,636,952	-
Các nhà cung cấp khác	178,715,203	4,797,483,620
Cộng	<u>26,166,124,228</u>	<u>36,727,748,791</u>

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán: (Bảo hành 5%)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty liên doanh Fuji Alpha	687,200,000	687,200,000
Công ty liên doanh Fuji Alpha - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	250,021,446	324,642,893
Công ty cổ phần Soiva Việt Nam		
Công ty cổ phần sản xuất thiết bị Sao Việt		
Công ty TNHH MTV 990		
Các nhà cung cấp khác	53,195,960	33,781,495
Cộng	<u>990,417,406</u>	<u>1,045,624,388</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u> (ước thực hiện)		<u>Số cuối kỳ</u> (ước thực hiện)	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	832,769,906	-	1,523,142,240	1,907,485,897	448,426,249	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,520,481,458	-	3,494,580,867	9,555,735,309	1,459,327,016	-
Thuế thu nhập cá nhân	207,148,364	-	3,244,157,459	3,751,250,653	137,524,677	437,469,507
Tiền thuế đất	-	73,110,600	641,062,251	1,282,000,000	-	714,048,349
Thuế môn bài	-	-	12,750,000	15,000,000	-	2,250,000
Thuế khác	-	-	6,410,181	-	6,410,181	-
Cộng	<u>8,560,399,728</u>	<u>73,110,600</u>	<u>8,922,102,998</u>	<u>16,511,471,859</u>	<u>2,051,688,123</u>	<u>1,153,767,856</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)**14. Phải trả người lao động**

Tiền lương, thưởng phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí điện, nước phải trả	9,927,348	119,218,650
Chi phí thuê mặt bằng phải trả	541,920,000	-
Chi phí phải trả khác		769,117,304
Cộng	<u>551,847,348</u>	<u>888,335,954</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty CP Đầu Tư Biz Man	9,927,348	39,782,044
CTY TNHH MTV Coopmart Vĩnh Phúc	541,920,000	-
Cộng	<u>551,847,348</u>	<u>39,782,044</u>

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	41,058,443,809	41,058,443,809
Liên Hiệp HTX TM TP.HCM - phải trả lợi nhuận được chia	41,058,443,809	41,058,443,809
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	4,640,572,738	6,991,420,979
Kinh phí công đoàn	66,154,514	62,371,943
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	-	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1,768,089,213	1,838,243,679
Cổ tức phải trả	415,580,670	428,181,670
Phải trả tiền bán hàng thu hộ các quầy thuê	1,732,052,801	3,352,216,567
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	658,695,540	1,310,407,120
Cộng	<u>45,699,016,547</u>	<u>48,049,864,788</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

17b. Phải trả dài hạn khác

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	122,758,073,965	121,504,338,605
Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư địa ốc Nova - đặt cọc thực hiện hợp đồng	102,500,000,000	102,500,000,000
Phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	20,258,073,965	19,004,338,605
Cộng	124,928,073,965	123,674,338,605

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính**18.a Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	9,077,535,685	12,239,535,685
Cộng	9,077,535,685	12,239,535,685

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn :

	Quý 1/2017
Số đầu năm	12,239,535,685
Phát sinh trong kỳ	-
Kết chuyển từ vay dài hạn trong kỳ	-
Đã trả trong kỳ	3,162,000,000
Số cuối kỳ	9,077,535,685

18.b Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	37,112,052,229	32,112,052,229
Cộng	37,112,052,229	32,112,052,229

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn :

	Quý 1/2017
Từ 01 năm trở xuống	9,077,535,685
Trên 01 năm đến 05 năm	37,112,052,229
Trên 05 năm	-
Số cuối kỳ	46,189,587,914

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	8,460,552,213	-	12,000,000	128,489,129	8,344,063,084
Cộng	8,460,552,213	-	12,000,000	128,489,129	8,344,063,084

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,000,000,000,000	805,763,116,947	263,488,221,592		2,069,251,338,539
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	39,808,300,925	188,591,327	39,996,892,252
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	9,196,101,269	(9,655,906,332)		(459,805,063)
Góp vốn trong năm				9,800,000,000	9,800,000,000
Giảm khác	-	-	(1,435,685,972)		(1,435,685,972)
Số dư cuối năm trước	1,000,000,000,000	814,959,218,216	292,204,930,213	9,988,591,327	2,117,152,739,756
Số dư đầu kỳ này	1,000,000,000,000	814,959,218,216	292,204,930,213	9,988,591,327	2,117,152,739,756
Lợi nhuận trong kỳ (ước thực hiện)	-	-	23,322,059,218		23,322,059,218
Số dư cuối Kỳ này	1,000,000,000,000	814,959,218,216	315,526,989,431	9,988,591,327	2,140,474,798,974

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	968,950,960,000	968,950,960,000
Các cổ đông khác	31,049,040,000	31,049,040,000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Doanh thu tư vấn quản lý	4,161,247,693	-	4,161,247,693	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	28,906,124,104	8,176,061,430	28,906,124,104	8,176,061,430
Doanh thu bán hàng hoá	1,287,156,752	-	1,287,156,752	-
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư		5,455,657,836	-	5,455,657,836
Doanh thu khác	1,688,599,421	72,600,000	1,688,599,421	72,600,000
Cộng	36,043,127,970	13,704,319,266	36,043,127,970	13,704,319,266

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Liên Hiệp HTX TM TP.HCM				
- Cho thuê mặt bằng	1.322.072.997	1.165.698.771	1.322.072.997	1.165.698.771
- Tư vấn quản lý	2.027.605.427	-	2.027.605.427	-
Cty CP Chíp Sáng	1.652.985.519	1.528.419.342	1.652.985.519	1.528.419.342
Cty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc	541.920.000	3.774.960.000	541.920.000	3.774.960.000
Cty TNHH MTV TM Saigon – Bến Tre	3.306.369.539	-	3.306.369.539	-
Cty TNHH TM Saigon - Cần Thơ	2.133.642.266	-	2.133.642.266	-
Cty TNHH MTV Co.opmart Nguyễn Xí	-	1.706.983.317	-	1.706.983.317

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (Ước thực hiện)	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	9,521,121,820	4,353,218,621	9,521,121,820	4,353,218,621
Giá vốn cung cấp hàng hoá	678,749,081	-	678,749,081	-
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	5,188,385,109	-	5,188,385,109
Cộng	10,199,870,901	9,541,603,730	10,199,870,901	9,541,603,730

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8,876,828,902	4,783,884,067	8,876,828,902	4,783,884,067
Lãi tiền gửi không kỳ	23,018,750	44,261,617	23,018,750	44,261,617
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3,768,318,442	-	3,768,318,442
Cộng	8,899,847,652	8,596,464,126	8,899,847,652	8,596,464,126

4. Chi phí tài chính

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1,010,663,910	-	1,010,663,910	-
Cộng	1,010,663,910	-	1,010,663,910	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1,276,473,876		1,276,473,876	-
Chi phí bao bì, công cụ	190,965,310		190,965,310	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,152,434,568		3,152,434,568	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,366,726,617		2,366,726,617	-
Chi phí khác	298,141,741	24,893,437	298,141,741	24,893,437
Cộng	7,284,742,112	24,893,437	7,284,742,112	24,893,437

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4,594,371,102	7,567,598,457	4,594,371,102	7,567,598,457
Chi phí vật liệu, đồ dùng VP	94,028,596	181,898,554	94,028,596	181,898,554
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,848,428,819	135,938,185	1,848,428,819	135,938,185
Thuế, phí và lệ phí	40,190,666	24,000,000	40,190,666	24,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,951,666,212	695,102,432	1,951,666,212	695,102,432
Các chi phí khác	1,961,771,939	842,361,704	1,961,771,939	842,361,704
Cộng	10,490,457,334	9,446,899,332	10,490,457,334	9,446,899,332

7. Thu nhập khác

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1,723,725,440	500,000,000	1,723,725,440	500,000,000
Thu nhập khác	153,664,855	102,398,555	153,664,855	102,398,555
Cộng	1,877,390,295	602,398,555	1,877,390,295	602,398,555

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO-OP

Địa chỉ: 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017 (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí khác	117,117,041	5,347,521	117,117,041	5,347,521
Cộng	117,117,041	5,347,521	117,117,041	5,347,521

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước	Năm nay (ước thực hiện)	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	284,993,906	135,938,185	284,993,906	135,938,185
Chi phí nhân công	5,870,844,978	7,567,598,457	5,870,844,978	7,567,598,457
Chi phí khấu hao TSCĐ	5,296,161,478	565,582,057	5,296,161,478	565,582,057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14,222,965,640	7,893,799,777	14,222,965,640	7,893,799,777
Chi phí khác	2,300,104,346	866,361,704	2,300,104,346	866,361,704
Cộng	27,975,070,348	17,029,280,180	27,975,070,348	17,029,280,180

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017

*kinh**Uo*Tạ Ngọc Thảo
Người lập biểu*Nguyễn Thị Hồng*Nguyễn Thị Hồng
Kế toán trưởngĐoàn Trần Thái Duy
Phó Tổng Giám đốc

